

Bản án số: 43 /2018/ HSST
Ngày 29 /11 /2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Đình Nghị
2. Bà Mai Thị Cẩm Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31 /2018 / TLST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35 /2018/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ma Đình B (Không có tên gọi khác), sinh ngày 19 tháng 02 năm 1996 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi cư trú: Thôn ĐC, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; không theo tôn giáo nào; con ông Ma Đình M (đã chết) và bà Dương Thị T; vợ, con : Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Ma Đình B bị bắt tạm giam từ ngày 05/ 9/2018 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà giữ Công an huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1984; trú tại thôn ĐC, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Chị Tống Thị Nh, sinh năm 1984; trú tại thôn QL, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Người làm chứng trong vụ án: Chị Ma Thị Đ, sinh năm 1961; trú tại thôn ĐC, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết gia đình chị Hoàng Thị Th ở thôn ĐC, xã PĐ, huyện Đ có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveRS màu sơn đỏ, đen bạc (biển kiểm soát 29X4- 8571) thường để tại nhà của chị Ma Thị Đ ở cùng thôn (cách nhà chị Th khoảng 100m), ban ngày vào buổi sáng và buổi chiều cả hai gia đình thường đi làm vắng nhà không có ai trông coi nên Ma Đình B nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị Th. Khoảng 15 giờ ngày 03/8/2018, B đi bộ từ nhà mình đến nhà chị Th để tìm chìa khóa điện của xe mô tô, sang đến nơi không thấy chị Th ở nhà, B vào nhà tìm thấy chìa khóa điện xe mô tô tại móc treo trên cột nhà gần bảng điện, sau đó sang nhà chị Đ để trộm xe. Sang đến nơi thấy nhà chị Đ không có ai ở nhà, quan sát xung quanh thấy không có ai, B đi thẳng vào nhà chị Đ thấy chiếc xe mô tô của gia đình chị Th để dưới gầm nhà sàn, B liền cầm chìa khóa vào ổ khóa điện, nổ máy và điều khiển xe mô tô đi đến nhà chị Tống Thị Nh ở thôn QL, xã PĐ, huyện Đ, gặp chị Nh nói cho em cầm cái xe, chị Nh không nhận cầm cố, Bắc tự dắt xe vào quán nhà chị Nhấn dựng và hỏi vay chị Nh 200.000 đồng và hẹn hai tiếng sau quay lại trả tiền, số tiền này sau đó B đã đi mua ma túy sử dụng cho bản thân hết.

Sau khi phát hiện gia đình bị mất trộm xe mô tô, chị Th đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an đề nghị giải quyết. Ngày 04/8/2018 gia đình chị Tống Thị Nh đã giao nộp chiếc xe mô tô B trộm cắp được của gia đình chị Th cho Công an xã PĐ, huyện Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29/KL- ĐG ngày 20/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Định Hóa, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveRS màu sơn đỏ, đen bạc biển kiểm soát 29X4- 8571 có giá trị 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveRS màu sơn đỏ, đen bạc biển kiểm soát 29X4- 8571, sau khi điều tra làm rõ đã trả lại cho gia đình chị Hoàng Thị Th là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, bị hại là Hoàng Thị Th, không yêu cầu bị cáo Ma Đình B phải bồi thường gì thêm, chị Tống Thị Nh có đơn đề nghị bị cáo B phải trả lại cho chị số tiền 200.000 đồng B đã vay.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra bị cáo Ma Đình B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận của B phù hợp với lời khai

của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 02/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, truy tố bị cáo Ma Đình B ra trước Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên để xét xử về tội: *Trộm cắp tài sản*, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo Ma Đình B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xác định việc truy tố tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa đối với bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai. Bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Ma Đình B về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử :

Tuyên bố : Bị cáo Ma Đình B phạm tội «*Trộm cắp tài sản* »

- Áp dụng : Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Đình B từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/9/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bắc phải trả lại cho chị Tổng Thị Nh số tiền 200.000 đồng B đã vay.

- Về án phí: Bị cáo Ma Đình B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo B không tranh luận, bào chữa.

Bị cáo B nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Định Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi phạm tội của bị cáo Ma Đình B, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai, các bản tự khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan Điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị cáo trộm cắp là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveRS màu sơn đỏ, đen bạc biển kiểm soát 29X4- 8571 của chị Hoàng Thị Th có giá trị là 6.000.000 VNĐ.

Bị cáo khai bị cáo biết hành vi “ Trộm cắp tài sản” của mình là vi phạm pháp luật; các cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” là không oan, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nhưng do bị cáo nghiện chất ma túy, không có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cho bản thân nên bị cáo đã trộm cắp tài sản đem cầm để lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Ma Đình B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Ma Đình B về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

3. Đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự; xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở

địa phương, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố ý thực hiện.

- Về nhân thân: Bị cáo B có nhân thân xấu, bị cáo có sức khỏe nhưng lười lao động; có trình độ văn hóa, có đủ trình độ nhận thức để điều chỉnh hành vi xử sự của bản thân cho đúng với các qui định của pháp luật, nhưng do ham ăn chơi, đua đòi nên bị cáo nghiện ma túy.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày hôm nay, người bị hại là chị Hoàng Thị Th xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4. Về hình phạt chính: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để tập trung cải tạo mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

5. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản gì. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

6. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 200.000 VNĐ bị cáo vay của chị Tống Thị Nh để mua ma túy sử dụng, bị cáo chưa hoàn trả chị Nh số tiền trên, nay chị Nh yêu cầu B phải hoàn trả số tiền trên. Vì vậy, cần buộc bị cáo B phải hoàn trả số tiền trên cho chị Nh.

7. Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveRS màu sơn đỏ, đen bạc biển kiểm soát 29X4- 8571, sau khi điều tra làm rõ đã trả lại cho gia đình chị Hoàng Thị Th là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại là Hoàng Thị Th, không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

8. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự : Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

9 . Đối với chị Tổng Thị Nh là người đã cho Ma Đình B vay số tiền 200.000 đồng và cho B để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29X4- 8571 tại nhà mình. Tuy nhiên chị Nh không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý.

10. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc áp dụng hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và về án phí đối với bị cáo là phù hợp và có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 298; khoản 2 Điều 136; khoản 1, khoản 3 Điều 329; khoản 1, khoản 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Ma Đình B phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

1.Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Đình B 12 (mười hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 05 tháng 9 năm 2018.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 11 năm 2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 357; 463, 466 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ma Đình B phải hoàn trả cho chị Tổng Thị Nh số tiền 200.000 VNĐ (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135,136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ma Đình B phải chịu 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 VNĐ án phí dân sự sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Định Hóa (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- Bị cáo; các đương sự;
- THA hình sự
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Kiểm